

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC H - ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **40/2025/DS-ST**

Ngày: 07/8/2025

V/v tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC H - ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Bích Thiên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đỗ Hữu Vị

2. Ông Võ Văn Thống

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Hùng Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực H - Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực H - Đồng Tháp tham gia phiên tòa:**  
Bà Trần Thị Ngọc Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực H - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 169/2025/TLST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2025 về việc tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 198/2025/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 166/2025/QĐST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2025, Thông báo mở lại phiên tòa số 05/TB-TA ngày 08 tháng 7 năm 2025 và Thông báo dời phiên tòa số 01/TB-TA ngày 31 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Phi L, sinh năm 1970. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã G, tỉnh Đồng Tháp.

**2. Bị đơn:** Chị Huỳnh Thị Hồng T, sinh năm 1978. (vắng mặt không lý do)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã G, tỉnh Đồng Tháp.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Chị Lê Thị T2, sinh năm 1972. (có mặt)

- Anh Trần Thanh T1, sinh năm 1978. (xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã G, tỉnh Đồng Tháp.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện ngày 17/4/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Phi L trình bày:**

Trước đây, vợ chồng anh T1, chị T làm ghe đáy và có bán phân ruốc cho vợ chồng anh. Chị T có mượn trước tiền của vợ chồng anh và sau đó trừ dần vào tiền bán phân ruốc. Các lần chị T mượn và xin ứng trước tiền thì anh không nhớ thời gian cụ thể. Anh chỉ nhớ chị T mượn trước 20.000.000 đồng và sau đó xin ứng thêm 02 lần, mỗi lần 5.000.000 đồng, tổng cộng là 10.000.000 đồng, chị T còn ứng thêm 01 lần tiền nữa nhưng anh không nhớ bao nhiêu. Ngoài ra, vợ anh có chơi 01 dây hụi, hột hụi được khoảng mười mấy triệu đồng và đưa cho chị T mượn. Hai bên có đối chiếu tổng số tiền mà chị T nợ vợ chồng anh khi đó là 50.000.000 đồng. Sau đó, chị T có nhờ vợ anh chơi dùm 01 dây hụi 1.000.000 đồng/tháng, hàng tháng chị T gửi tiền cho vợ anh đóng hụi được tổng cộng khoảng mười mấy triệu đồng thì vợ chồng chị T nghỉ làm ghe đáy, không gửi tiền cho vợ anh đóng hụi nữa nên vợ anh tiếp tục đóng hụi cho đến khi mãn. Hai bên có đối chiếu tổng số tiền mà chị T đưa cho vợ anh đóng hụi tính tròn là 13.000.000 đồng, số nợ còn lại là 37.000.000 đồng thì chị T xin trả góp mỗi tháng 500.000 đồng. Sau khi nghỉ làm ghe đáy thì vợ chồng chị T đi làm xa và trong khoảng 7-8 năm này thì chị T có gửi tiền về trả góp cho vợ chồng anh nhưng tháng có tháng không được tổng cộng 7.000.000 đồng. Khi hay vợ chồng chị T và anh T1 xin ly hôn tại Tòa thì vợ chồng anh có thông báo cho chị T số tiền mà chị còn nợ là 30.000.000 đồng thì chị T xin cho chị trả dần. Nhưng đến nay chị T vẫn không trả thêm khoản tiền nào và đây là tiền do chị T mượn của vợ chồng anh, không liên quan đến anh T1 nên anh khởi kiện yêu cầu chị T trả cho vợ chồng anh số tiền còn nợ là 30.000.000 đồng 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật, không tính lãi. Ngoài ra anh không yêu cầu gì khác

**\* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Huỳnh Thị Hồng T trình bày:**

Năm 2012, vợ chồng chị có mượn vợ chồng anh L, chị T2 số tiền 20.000.000 đồng, sau đó trừ vào tiền bán phân ruốc cho vợ chồng chị như anh L trình bày, chị có thấy chị T2 ghi vào quyển vở bìa màu xanh là vợ chồng chị có mượn chị T2 số tiền này nhưng chị T2 không yêu cầu vợ chồng chị ký tên xác nhận nợ. Đến năm 2014, chị T2 có chơi dùm chị 01 phần hụi 1.000.000 đồng/tháng và chị T2 hột hụi đưa cho chị mượn khoảng hơn 16.000.000 đồng, không làm biên nhận. Đến khoảng năm 2014 - 2015, chị có xin chị T2 cho ứng thêm tiền vài lần nữa, chị nhớ 02 lần mỗi lần 5.000.000 đồng và 01 lần 3.800.000 đồng. Sau đó, vợ chồng chị không còn làm ghe đáy nữa và chị T2 có gọi điện thoại cho chị nói chị còn nợ tổng cộng là 50.000.000 đồng và chị cũng đồng ý nhưng hai bên không làm giấy nợ. Chị có nhờ chị T2 chơi dùm 01 dây hụi 2.000.000 đồng/tháng, chị T2 nói với chị là dây hụi này khoảng hai mươi mấy phần, mỗi tháng chị đưa tiền cho chị T2 đóng hụi khoảng 1.600.000 đồng đến 1.800.000 đồng. Sau khi đóng hụi được vài tháng thì vợ chồng chị đi làm xa nhưng vẫn gửi tiền về cho chị T2 đóng hụi thêm vài tháng được tổng cộng khoảng mười mấy tháng rồi ngưng do chị không có tiền. Sau đó, chị có xin chị T2 cho chị trả dần mỗi tháng 500.000 đồng và chị có gửi tiền về trả cho chị T2 được tổng cộng

7.000.000 đồng. Trước khi vợ chồng chị ly hôn thì chị T2 có gọi điện thoại cho chị nói chị đã trả được tổng cộng 37.000.000 đồng và còn nợ lại 13.000.000 đồng. Từ đó đến nay, chị không trả thêm cho chị T2 khoản tiền nào và sau khi chị ly hôn thì chị có nói chị T2 kêu chồng chị là anh T1 trả số tiền này. Nay chị chỉ đồng ý trả cho vợ chồng chị T2 số tiền còn nợ là 13.000.000 đồng và yêu cầu anh T1 có trách nhiệm cùng chị trả số tiền này vì đây là nợ chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Ngoài ra, chị không yêu cầu gì khác.

***\* Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị T2 trình bày:***

Chị là vợ anh L, trước đây vợ chồng chị có cho chị T mượn tổng số tiền 50.000.000 đồng với các lần như anh L trình bày và sự thừa nhận của chị T. Số tiền này là vợ chồng chị cho chị T mượn, không liên quan đến anh T1 - chồng cũ chị T. Tính đến nay thì chị T chỉ trả được 20.000.000 đồng và còn nợ lại vợ chồng chị 30.000.000 đồng nên chị thống nhất với yêu cầu khởi kiện của chồng chị. Chị không có chơi dùm chị T đây hạn 2.000.000 đồng/tháng và chị T không có đưa tiền cho chị đóng hạn mỗi tháng 1.600.000 đồng đến 1.800.000 đồng được mười mấy tháng như chị T trình bày. Tờ giấy biên nhận nợ mà anh L giao nộp cho Tòa án do chị viết và chị T ký tên tại nhà của chị.

***\* Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Trần Thanh T1 trình bày:***

Anh không liên quan đến số tiền mà chị T mượn của vợ chồng anh L, chị T2, đây là nợ riêng của chị T.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực H - Đồng Tháp phát biểu ý kiến như sau:***

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” và bị đơn chị Huỳnh Thị Hồng T hiện cư trú tại ấp Đ, xã G, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực H - Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn chị Huỳnh Thị Hồng T vắng mặt không lý do dù đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Trần Thanh T1 xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhận thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T thừa nhận có mượn tiền của vợ chồng anh L, chị T2 nhiều lần, tổng cộng là 50.000.000 đồng. Việc mượn tiền không có lập hợp đồng nhưng các bên có đối chiếu xác nhận nợ, điều này cho thấy việc mượn tiền là có thật và được cả hai bên đương sự thừa nhận. Như vậy, có đủ căn cứ xác định hai bên đã xác lập giao dịch dân sự vay tài sản, phù hợp quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015. Sau khi nhận tiền vay, bị đơn đã trả được tổng cộng 20.000.000 đồng, hiện còn nợ lại 30.000.000 đồng và nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn T2 toán 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu tính lãi, đây là yêu cầu có căn cứ và phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

Đối với việc chị T cho rằng đã đưa tiền cho chị T2 đóng hui khoảng mười mấy tháng và đã trả được 37.000.000 đồng, hiện chị chỉ còn nợ lại chị T2 và anh L 13.000.000 đồng, nhưng anh L và chị T2 xác định lời trình bày của chị T là không đúng và chị T cũng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày này nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với việc chị T cho rằng đây là nợ chung của vợ chồng chị và anh T1 phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên chị đề nghị anh T1 cùng chị có trách nhiệm trả nợ, Hội đồng xét xử xét thấy: Việc thỏa thuận vay mượn xảy ra giữa chị T và vợ chồng anh L, chị T2; anh T1 không trực tiếp tham gia, không ký tên xác nhận nợ, chị T không chứng minh được anh T1 được hưởng lợi từ khoản vay này. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T1 xác định không liên quan đến khoản vay này. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là nghĩa vụ dân sự riêng của chị T theo quy định tại khoản 3 Điều 45 và khoản 1 Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực H - Đồng Tháp là có căn cứ chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: - Các Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;  
- Khoản 1 Điều 27 và khoản 3 Điều 45 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:***

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Phi L.

Buộc chị Huỳnh Thị Hồng T có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Phi L số tiền vốn vay còn nợ là **30.000.000 đồng** (Ba mươi triệu đồng), thực hiện trả 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.*

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị T phải chịu 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng.

- Hoàn lại anh L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 750.000 (Bảy trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu số 0014165 ngày 06 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay thuộc Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp).

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND KV.H - Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Bích Thiên**